TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **109**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/04/2024
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

2. Ông Trương Hoàng Hoa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh P, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy – Kiểm sát viên;

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HN ngày 27/02/2024 và quyết định hoãn phiên toà số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1982 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp TT, xã XĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Trần Thanh P**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp TT, xã XĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh P qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn ngày 17/4/2003. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau ngày càng gay gắt, không có tiếng nói chung, hiện vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ 05/2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc A, sinh ngày 12/6/2003 và Trần Ngọc B, sinh ngày 28/7/2013. Hiện cháu A đã trưởng thành chị không có yêu cầu gì, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Trần Thanh P đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của chị N.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị N xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ tháng 5/2023 đến nay do có mẫu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, hiện không còn tình cảm, anh P không có biện pháp hàn gắn nên đề nghị Tòa cho chị N ly hôn;

Về con chung: Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và sự ổn định cho cháu B nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị N tiếp tục nuôi, anh P không cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không có yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Trần Thanh P qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn ngày 17/4/2003 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp xin ly hôn được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim N có đơn xin giải quyết vắng mặt, Bị đơn anh Trần Thanh P đã được triệu tập hợp lệ xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Hội

đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh chị N, anh P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngày càng gay gắt, không có tiếng nói chung, hiện vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ 05/2023 đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống là có căn cứ. Phía anh P không đến Toà án khi triệu tập, không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không đưa ra được biện pháp nào để Toà án xem xét còn có thiện chí hàn gắn, Toà án triệu tập anh P nhiều lần để hoà giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt, điều đó cho thấy anh P chưa thật sự muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên xem xét cho chị N ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc A, sinh ngày 12/6/2003 và Trần Ngọc B, sinh ngày 28/7/2013. Hiện cháu A đã trưởng thành chị N không có yêu cầu gì, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, anh P không có ý kiến xin được nuôi con. Hiện tại anh chị đã sống ly thân và từ khi ly thân cháu B đang sống với chị N, chị là người nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi ly thân đế nay đã lâu, nên cần giữ ổn định cho cháu về nơi ở, về việc tiện cho học tập và các mặt sinh hoạt khác nên giao cho chị N tiếp tục nuôi cháu B. Chị N không có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Chị N nuôi con chung, anh P có quyền đến thăm nôm, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có ai có yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[**8**] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh P có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N đối với anh Trần Thanh P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Trần Thanh P;

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc B, sinh ngày 28/7/2013 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

1.3. Về tài sản chung: Không có;

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0026475 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị N và anh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Lil

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã XĐ;
- Lưu hồ sơ